TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/DS-ST

Ngày 11 tháng 6 năm 2024

"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Gia Khải
2. Ông Trần Quang Đương

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06A/2024/QĐXXST- DS ngày 26/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 24/5/2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Phạm Hữu T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- ***Bị đơn:*** Ông Đặng Văn T1, sinh năm 1970

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Ông T, ông T1 có mặt; bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn ông Phạm Hữu T có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa:

Ông là chủ đại lý thức ăn chăn nuôi ở thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng ông Đặng Văn T1 và bà Nguyễn Thị H có trang trại chăn nuôi ở thôn L, xã Q, huyện Q. Từ năm 2014 ông T1 có đến đại lý của ông để đặt vấn đề mua cám về để chăn nuôi, ông T1 có thỏa thuận với ông từ khi mua đến lúc thanh toán ông T1 sẽ trả trong khoảng 03 tháng. Từ ngày 19/02/2014 đến ngày 24/5/2015 ông T1 đã đến địa lý của ông mua với tổng số tiền là 228.750.000 đồng

(Hai trăm hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Từ năm 2014 đến ngày 22/11/2022 vợ chồng ông T1 đã trả ông được số tiền 211.750.000 đồng (*Hai trăm mười một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), vợ chồng ông T1 còn nợ ông số tiến 17.000.000 đồng *(Mười bảy triệu đồng).* Từ ngày 22/11/2022 cho đến ngày 29/3/2024 vợ chồng ông T1, bà H đã trả thêm cho ông được 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng),* số tiền còn nợ là 16.000.000 đồng *(Mười sáu triệu đồng)* tiền gốc.

Nay ông T yêu cầu ông Đặng Văn T1 và bà Nguyễn Thị H phải trả toàn bộ số tiền tính đến ngày 11/6/2024 là 16.000.000 đồng *(Mười sáu triệu đồng)* ông không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền này.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông Đặng Văn T1 trình bày:

Ông T1 xác nhận vợ chồng ông có mua cám của ông Phạm Hữu T về để chăn nuôi trang trại, số tiền mua cám ông xác định là 228.750.000 đồng *(Hai trăm hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).* Vợ chồng ông đã trả cho ông T liên tục trong từ năm 2014 đến ngày 29/3/2024 được tổng số tiền 212.750.000 đồng *(Hai trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng),* vợ chồng ông còn nợ lại ông T số tiền 16.000.000 đồng *(Mười sáu triệu đồng).* Nay ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền còn thiếu là 16.000.000 đồng *(Mười sáu triệu đồng),* vợ chồng ông đồng ý trả nợ số tiền trên cho ông Phạm Hữu T, tuy nhiên hiện nay ông chưa trả nợ ngay được, ông T không yêu cầu trả lãi ông nhất trí.

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn chấp hành chưa tốt quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Đặng Văn T1 và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Hữu T số tiền là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu) và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc ông Phạm Hữu T khởi kiện ông Đặng Văn T1, bà Nguyễn Thị H trả số tiền vay còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn đang cư trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm

quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội Dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hữu T: Căn cứ vào đơn khởi kiện và bản tự khai của ông Phạm Hữu T, lời khai của ông Đặng Văn T1 với các tài liệu chứng cứ là Sổ ghi chép việc mua bán hàng hóa (bản gốc) do ông T nộp có đủ cơ sở xác định:

Giữa ông Phạm Hữu T và ông Đặng Văn T1, bà Nguyễn Thị H có quan hệ làm ăn, mua bán hàng hóa với nhau. Quá trình giải quyết vụ án ông T, ông T1 đều xác định Từ ngày 19/02/2014 đến ngày 24/5/2015 vợ chồng ông T1, bà H có đến đại lý của ông T để mua cám về phục vụ chăn nuôi và có nợ ông T số tiền 228.750.000đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Vợ chồng ông T1, bà H đã trả cho ông T liên tục từ năm 2014 đến ngày 29/3/2024 được tổng số tiền 212.750.000 đồng *(Hai trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng),* số tiền ông bà T1 bà H còn nợ lại là 16.000.000 đồng *(Mười sáu triệu đồng).* Ông T1 bà H thừa nhận khoản nợ trên, căn cứ vào khoản 2 điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định: Hiện nay ông Đặng Văn T1, bà Nguyễn Thị H còn nợ ông Phạm Hữu T số tiền là 16.000.000 đồng *(Mười sáu triệu đồng)*.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ của ông Phạm Hữu T: Ông Phạm Hữu T yêu cầu ông Đặng Văn T1, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng). Ông Đặng Văn T1, bà Nguyễn Thị H đồng ý trả số tiền còn nợ cho ông Phạm Hữu T. Do đó Hội đồng xét xử buộc ông Đặng Văn T1, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Hữu T số tiền là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các điều 430, 431 Bộ Dân sự 2015.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hữu T được Tòa án chấp nhận nên ông Đặng Văn T1, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. H1 lại ông T số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật

Tố tụng dân sự; các Điều 430, Điều 431, khoản 2 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hữu T.

2. Buộc ông Đặng Văn T1, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Hữu T số tiền gốc là **16.000.000đồng** *(mười sáu triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: ông Đặng Văn T1, bà Nguyễn Thị H phải chịu 800.000 đồng (*tám trăm nghìn đồng*). Ông Phạm Hữu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả 400.000 đồng *(bốn trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí cho ông Phạm Hữu T (đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004523 ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Hữu T, ông Đặng Văn T1 có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Quốc Doanh